

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**VẤN ĐỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TRONG HIẾN PHÁP 1992:
LUẬN CỨ CHO MỘT NHU CẦU SỬA ĐỔI**

ĐỖ QUANG HÙNG^(*)

Đặt vấn đề

Ngày 15/4/1992, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kì họp thứ 11 đã nhất trí thông qua bản Hiến pháp 1992. Hiến pháp 1992 có những nội dung mới so với nhiều bản Hiến pháp trước đó, thể hiện tinh thần đổi mới của Đảng và Nhà nước về nhiều mặt từ kinh tế đến xã hội, đặc biệt trong đó có đổi mới với lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo mà điểm tập trung là *Điều 70* của Hiến pháp này. Nguyên văn *Điều 70* như sau:

“Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”.

Từ đó đến nay chúng ta đã có rất nhiều nỗ lực trong việc thể chế hóa *Điều 70* này cũng như quá trình thi hành Hiến pháp 1992 cùng hàng loạt những văn bản có liên quan trong lĩnh vực sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân nói

chung, nói riêng là mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức tôn giáo.

Tuy thế, cũng như nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội khác, dường như những điều luật về tín ngưỡng, tôn giáo như một chiếc áo đã quá chật, nếu không muốn nói có những nội dung không còn phù hợp với thực tiễn đời sống tín ngưỡng, tôn giáo cũng như sự hội nhập với những Công ước quốc tế về tôn giáo - nhân quyền. Vả lại, việc xây dựng một nhà nước pháp trị và sự phát triển của tự do tôn giáo, bản thân chúng cũng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề pháp lý mà hôm nay chúng ta phải tính đến.

Để có những luận cứ cần thiết cho sự sửa đổi một văn bản luật pháp có ý nghĩa cao nhất với quốc gia, chúng tôi xin mạnh dạn nêu lên một số ý kiến để nghiên cứu. Cụ thể như sau:

1. Vấn đề tôn giáo trong các loại hình Hiến pháp;

2. Phân tích cấu trúc, nội dung *Điều 70* Hiến pháp 1992;

3. Mấy đặc điểm của quá trình thể chế hóa và thực thi *Điều 70* Hiến pháp 1992 ở nước ta: thành tựu và những vấn đề đặt ra;

^{*}. GS.TS., Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Thử thiết kế “Điều 70” (sửa đổi).

Dưới đây là những nội dung cụ thể của bài viết.

1. Vấn đề tôn giáo trong các loại hình Hiến pháp

Trước hết xin nói ngay, phạm trù “tín ngưỡng, tôn giáo” trong Hiến pháp cũng như *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* (2004) là lối diễn ngôn có thể phù hợp đối với nước ta. Tuy vậy, theo dõi các bản Hiến pháp của rất nhiều nước trên thế giới chúng tôi thấy rằng phạm trù này có thể được gọi chung là *vấn đề tôn giáo* (trong nội dung, nhiều quốc gia, kể cả Liên hợp quốc, trong bản *Tuyên ngôn quyền con người* nổi tiếng (1948), vấn đề trên có thể tách biệt thành phạm trù cặp ba: *tự do tư tưởng* (ý thức), *tín ngưỡng* và *tôn giáo*. Để tiện trình bày, chúng tôi xin lựa chọn phương án chung này.

Trên thế giới hiện nay, trừ một số ít những *Nhà nước - Tôn giáo*, nghĩa là những quốc gia dùng luật đạo để chế ngự luật đời, những nhà nước không chấp nhận mô hình nhà nước pháp quyền và dân sự như kiểu Iran, Arap Xêut..., còn đại đa số đều theo mô hình *Nhà nước thế tục*, nghĩa là nhà nước phi tôn giáo.

Về nội dung *vấn đề tôn giáo* trong các bản Hiến pháp của các quốc gia thế tục, dù diễn ngôn có khác nhau, nhưng đều có đặc điểm chung là: khẳng định quyền *tự do tôn giáo* và *nguyên tắc tách biệt Nhà nước và các Giáo hội*. J. Bauberot, một học giả nổi tiếng Pháp về *Chủ nghĩa thế tục*, đã mô hình hóa hai quyền cơ bản này, nói cách khác là mô hình hóa một *Nhà nước thế tục* nói chung như sau (2005 và 2010):



Lẽ dĩ nhiên đây là vấn đề rất phức tạp. Trong khuôn khổ của việc kiến tạo những điều luật cơ bản về tự do tôn giáo trong các bản Hiến pháp, dù sao người ta cũng phải quan tâm những yếu tố “căn bản và phía sau” cần phải có. Xem ra, với mọi nhà nước thế tục việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước - các giáo hội trong Hiến pháp cũng vẫn là điều khó khăn nhất. Mặt khác, việc lựa chọn những “lối diễn tả” các nội dung quan trọng nói trên thì tùy theo truyền thống chính trị, những đặc điểm tâm lý xã hội của mỗi nước.

Vì thế, dường như đó là mẫu số chung của các bản Hiến pháp của những quốc gia thuộc loại này.

Về cấu trúc, để thể hiện các quyền ấy chúng ta thấy có một số dạng sau đây: *Loại thứ nhất*, lối cấu trúc bao quát và “từ phía Nhà nước”.

Hiến pháp của Mỹ là một trường hợp tiêu biểu. Điều khoản bổ sung thứ nhất của Hiến pháp Mỹ: “Quốc hội sẽ không làm luật tôn trọng một sự chính thức hóa của một tôn giáo hay ngăn cấm việc tự do thờ cúng”⁽¹⁾. Ngoài ra, trong các *Điều khoản Thực thi tự do* vốn rất phức tạp của luật pháp Mỹ, cũng đã có nhiều điều

1. Điều khoản quan trọng này của Hiến pháp Hoa Kỳ, có thể tham khảo trong cuốn sách mới nhất *Luật và Tôn giáo: Toàn cảnh quốc gia, quốc tế và so sánh* của W. Cole Durham, JR và Brett G. Scharffs, 2010.

khoản về “bức tường chia tách”, quy định ranh giới giữa các tôn giáo và chính phủ trong đó các tổ chức tôn giáo có thể làm những gì về mặt “thần quyền” của cái biên giới ấy mà không chịu sự can thiệp của “chính quyền”. Nói cách khác là “quyền tự quản” của giáo hội và mối liên hệ của nó với quyền lực pháp lý⁽²⁾.

Trường hợp nước Pháp lại có nét riêng. Hiến pháp 1958 của Pháp định nghĩa nước Pháp là nước *Cộng hòa thế tục, tôn trọng mọi tín ngưỡng và tôn giáo*. Cụ thể Hiến pháp ngày 04/10/1958 của Pháp có ghi: “Pháp là một nước cộng hòa không thể chia tách, thế tục, dân chủ và xã hội, đảm bảo sự công bằng trước luật pháp cho tất cả các công dân của nó không phân biệt nguồn gốc, sắc tộc hay tôn giáo”⁽³⁾.

Mới đây, trong *Đạo luật* tháng 11/2004, nước Pháp lại phải bổ sung các điều khoản của Hiến pháp xung quanh *mô hình nhà nước thế tục trung lập* (L'Etat - laïque) của mình khi nói rằng: “Không cho phép bất cứ ai lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để xem bản thân mình không chịu sự chi phối bởi các quy định chung quản lý các mối quan hệ giữa các cơ quan công quyền với công dân”. Ở đây chúng ta không bàn đến sự khác biệt về tư tưởng triết học và lịch sử của hai nước tiêu biểu cho các cuộc cách mạng tư sản điển hình thế kỷ XVIII và cũng là nơi ra đời những bản tuyên ngôn nhân quyền nổi tiếng. Sự khác biệt về Hiến pháp trong vấn đề tôn giáo ở hai quốc gia này ở chỗ: nếu như ở Mỹ, người ta nói rằng “Chúa tạo nên các quyền của con người”, thì điều này lại không hề có ý cung cấp bất cứ quyền lực nào cho các giáo hội. Ở Pháp, ngược lại, một nước mà Công giáo

chế ngự, vì thế, trong việc xác định *quyền tự do tôn giáo* trong các bản Hiến pháp từ 1789 trở đi lại là việc giải quyết mối quan hệ với tôn giáo này⁽⁴⁾.

Dù có sự khác nhau loại hình này cũng rất gần với lối diễn tả của *Điều 18, Tuyên ngôn nhân quyền* của Liên hợp quốc (1948) nói trên: “Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo; quyền này bao gồm tự do thay đổi tôn giáo hay đức tin của mình và tự do, cho dù một mình hay trong cộng đồng với những người khác và ở nơi công cộng hay chỗ riêng tư, để thể hiện tôn giáo hay đức tin của mình trong giáo huấn, thực hành, thờ phụng và tôn kính”.

2. Đây là một vấn đề rất phức tạp của mô hình nhà nước thế tục ở Mỹ thích ứng với một “dân tộc tôn giáo” nhưng lại tiêu biểu cho mô hình nhà nước thế tục kiểu *Tôn giáo dân sự*. Xem bài: *Chế độ quan hệ Giáo hội - Nhà nước ở Mỹ (và tác dụng của nó đối với quyền tự trị của Giáo hội)* của Carl H. Esbeck, trong cuốn *Tôn giáo và xã hội Mỹ*, (2005).

3. Lưu ý rằng Điều số 10 của *Tuyên ngôn nhân quyền và quyền công dân* của nước Pháp cũng đã quy định: “Không ai bị bắt giữ vì ý kiến của mình, kể cả tín đồ tôn giáo, miễn là sự biểu đạt của họ không vi phạm trật tự luật pháp quy định”. Lời nói đầu của Hiến pháp 1946 của nước Pháp cũng có nói: “Không ai bị phân biệt đối xử trong công việc vì lý do nguồn gốc, ý kiến hay tín ngưỡng... Việc tổ chức một hệ thống giáo dục tự do và thế tục ở mọi cấp độ là trách nhiệm của Nhà nước”. Theo F. Messner (2007), nguyên lý “thế tục” đã có giá trị hợp hiến trước khi nó được đưa vào Hiến pháp 1946 và đã có hiệu lực khi luật tôn giáo địa phương được quyền lực lập pháp khẳng định. Nguyên lý “thế tục” thực ra đã được ghi trong Điều 2 của *Luật phân li* (9/12/1905), đôi khi được hiểu rộng ra để ủng hộ ý kiến cho rằng, việc hỗ trợ tài chính công cho tôn giáo là bất hợp pháp.

Như vậy, việc thể chế hóa các quyền tự do tôn giáo trong Hiến pháp không chỉ là một quá trình lâu dài mà thường xuyên được thể chế hóa trong các văn bản lập pháp khác.

4. Xem: J. Bauberot. *Cách thế tục hóa nước Pháp trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Hội thảo Quốc tế về Tôn giáo và Nhân quyền, Hà Nội, 2007.

Tính phổ biến của văn bản này trên thế giới là điều không phải bàn cãi. Người ta vẫn coi đây là văn bản mẫu mực và có tính phổ quát về pháp lí dù nó chỉ là “tuyên ngôn” về quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng.

Loại thứ hai, một số quốc gia trong Hiến pháp của mình lại có lối diễn tả khác về quyền tự do tôn giáo. Đó là lối diễn tả vừa “nguyên tắc” vừa có các điều khoản cụ thể. Chẳng hạn *Hiến pháp Iraq*, Phần 1, Điều 2 (2007) có ghi:

“Islam giáo là tôn giáo chính thức của Nhà nước và nó là một nguồn pháp chế cơ sở:

a. Không có luật nào có thể được ban hành mà mâu thuẫn các điều khoản được chính thức hóa của Islam giáo.

b. Không có luật nào có thể được ban hành mà mâu thuẫn nguyên tắc của dân chủ.

c. Không có luật nào có thể được ban hành mà mâu thuẫn các quyền và quyền tự do cơ bản như được quy định trong hiến pháp này”⁽⁵⁾.

Iraq rõ ràng là một trường hợp đặc biệt của loại hình nhà nước thế tục. Điều khoản này cho thấy nhà nước đã tìm cách hài hòa việc coi Islam giáo là tôn giáo chính thức của mình, thậm chí là một nguồn pháp chế cơ sở, nhưng đồng thời lại không “chính thức hóa” Islam giáo và tôn trọng các nguyên tắc dân chủ, các quyền tự do cơ bản của công dân.

Trường hợp của Trung Quốc cũng rất đáng lưu ý. Hiến pháp của Trung Quốc phản ánh thái độ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, một mặt cố gắng “giảm bớt sự nhấn mạnh vào tính vô thần”, bảo vệ quyền “tự do tín ngưỡng tôn giáo” như một công cụ của chính sách mặt trận dân

tộc thống nhất, cố gắng giải quyết mâu thuẫn giữa đấu tranh giai cấp, đoàn kết dân tộc với thực thi “tự do tín ngưỡng, tôn giáo” dù rằng “chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng không phải là để phát triển tôn giáo mà là làm chậm sự tiến bộ của tôn giáo”⁽⁶⁾.

Hiến pháp của Trung Quốc liên quan đến vấn đề tôn giáo thể hiện tập trung ở *Điều 36* với 5 khoản cụ thể về quyền công dân với tín ngưỡng, tôn giáo. Theo đó, điều khoản cơ bản là: “*Trung Quốc công nhận tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hành tôn giáo của mọi công dân. Tôn giáo và Nhà nước cần phải tách rời*”.

Tiếp đó các điều khoản cụ thể khác, thí dụ điều khoản công nhận và bảo hộ tài sản của các tổ chức tôn giáo (đến nay vẫn là 5 tôn giáo); điều khoản quan trọng khác quy định “*không ai được phép dùng tôn giáo để tham gia các hoạt động gây rối trật tự xã hội, ảnh hưởng sức khỏe công dân, hay cản trở hệ thống giáo dục nhà nước*”...

Rõ ràng lối diễn tả quyền tự do tôn giáo của Hiến pháp Trung Quốc là thuộc loại này. Nhiều học giả Trung Quốc hôm nay vẫn có những băn khoăn về việc hoàn thiện luật pháp về tôn giáo. Vương mặc có tính phương pháp là ở chỗ việc *công nhận* và *bảo hộ* của luật pháp với các tổ chức tôn giáo đều thiếu tính pháp lí cụ thể; sự *phân tách* quyền lực nhà nước và giáo hội cũng chưa đầy đủ và chưa có tính cách *xã hội công dân*. Nói cách khác là nhu cầu về sự sửa đổi *Điều*

5. Xem cuốn của W. Cole Durham JR và Brett G. Schaffs. *Luật và Tôn giáo...*, sđd.

6. Xem: *Các vấn đề tôn giáo của Trung Quốc* của Lưu Bành, Hội thảo Quốc tế Pháp quyền và Tôn giáo, Hà Nội, 2007.

36 của Hiến pháp Trung Quốc đã trở nên cấp bách những năm gần đây vì “nó chưa đủ cơ sở pháp lí để bảo vệ cho quyền cơ bản của công dân về tôn giáo và bởi hiệu lực của pháp luật về tôn giáo còn bị hạn chế. Sửa đổi Điều 36 là bước quan trọng trong việc củng cố hệ thống pháp lí của Trung Quốc. Sửa đổi Hiến pháp là điểm khởi đầu cho cải cách pháp lí ở Trung Quốc”⁽⁷⁾.

Có thể nói rằng, nhìn chung, cùng với sự phát triển của xã hội và nhân loại, các quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng ngày càng được thể chế hóa tốt hơn, hợp lí và hiệu lực hơn trong hệ thống Hiến pháp và luật pháp tôn giáo nói chung.

2. Phân tích cấu trúc, nội dung Điều 70 Hiến pháp 1992

Trở lại với Điều 70 của Hiến pháp 1992. Tổng quát, Điều 70 của Hiến pháp này là theo *mô hình thứ hai* như chúng tôi phân loại ở trên.

- Với những “giá trị chung”, Điều 70 được cấu trúc bởi “ba chân đế”: “*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo*” + “*theo hoặc không theo một tôn giáo nào*” + “*các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật*”.

- Với các “giá trị cụ thể”: Hiến pháp của Việt Nam đặc biệt coi trọng việc *bảo hộ các cơ sở thờ tự*. Đồng thời, cũng giống như Hiến pháp của Trung Quốc, chúng ta nhấn mạnh một “nguyên tắc chính trị” khác trong vấn đề tôn giáo vốn rất phức tạp và nhạy cảm ở nước ta đó là “không ai được xâm phạm tự do tôn giáo tín ngưỡng hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”.

Bình luận

1. *Quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng* là điều mọi nhà nước thế tục đều thừa nhận, vì đó là điều hiển nhiên của nhân loại. Tuy thế, việc diễn tả nó trong ngôn ngữ luật pháp lại rất khác nhau.

- Mặc dù về logic, Hiến pháp 1992 đưa khái niệm *theo hoặc không theo* (tôn giáo hay đạo) và chúng ta vẫn coi đó là một sự “tiến bộ” so với các văn bản trước đó. Nhưng theo chúng tôi, khái niệm *tự do tôn giáo*, nếu được hiểu đúng như các Công ước Quốc tế hiện nay, thì đã chứa đựng cả quyền “*không theo*”. Mặt khác, dĩ nhiên đây là một câu chuyện khác, nội dung của quyền *tự do tôn giáo, tín ngưỡng* mới là quan trọng. Ở nước ta còn có một *món nợ pháp lí* lớn ở chỗ này, nhưng xin phân tích ở một dịp khác.

- Vấn đề “*các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật*” cũng vậy. Thực ra, nếu không có tự do tôn giáo thực sự thì các tôn giáo cũng không thể “bình đẳng trước pháp luật”; được đối xử như nhau, thậm chí các tôn giáo nhóm nhỏ luôn chịu sức ép trước tôn giáo chủ lưu.

- Cuối cùng, có nên chỉ coi *công dân* mới có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo? Ở rất nhiều nước, từ này được thay thế bằng từ *mọi người*. Một người tù trong ngục vẫn có thể được hưởng các quyền tự do thờ phụng, thực hành tôn giáo của mình, v.v...

2. Về các quyền cụ thể:

- Việc chúng ta chỉ nhấn mạnh *pháp luật bảo hộ cơ sở thờ tự* (vốn là một phương diện quan trọng của “quản lí nhà nước về tôn giáo”) thì ít nhất để ra một hệ luận: Cơ sở thờ tự nào? Của ai? Ở nước

7. Xem: Lưu Bành, bài đã dẫn.

ta hiện nay, ít nhất có hai loại cơ sở thờ tự: của các tôn giáo được nhà nước công nhận (13 tôn giáo và 32 tổ chức tôn giáo của chúng). Vậy các cơ sở thờ tự của các tôn giáo còn lại thì sao?

- Điều khoản về “lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật” luôn là điều cần thiết nhưng ở đây chúng ta lại chỉ gắn với “chính sách nhà nước”. Vậy còn các giá trị có tính nguyên tắc lớn khác: sức khỏe, truyền thống văn hóa, dân tộc, an ninh quốc gia, v.v...?

Chúng tôi nghĩ rằng Điều 70 của Hiến pháp 1992 ra đời vào lúc nước ta thực sự bắt đầu lộ trình đổi mới. Đương nhiên bản Hiến pháp này có vai trò lịch sử của nó. Những điều trên, dù chỉ là *logic hình thức*, nhưng cũng đã cho thấy nhu cầu của sự cần thiết phải sửa đổi. Với Hiến pháp, nhu cầu về tính chuẩn mực và ổn định thường rất cao, thậm chí có những nước giữ được tính ổn định của nhiều điều luật hàng thế kỉ. Song điều đó cũng không ngăn cản chúng ta làm điều này.

3. Mấy đặc điểm của quá trình thể chế hóa và thực thi Điều 70 Hiến pháp 1992 ở nước ta: thành tựu và những vấn đề đặt ra

3.1. Những văn bản cơ bản và những thành tựu

- Ngày 19/4/1999 ban hành Nghị định số 26/1999/NĐ/CP và sau đó ngày 16/6/1999 ban hành Thông tư số 01/1999/TT/TGCP hướng dẫn thực hiện một số điều trong Nghị định.

Văn bản này là tập trung nhất, điển hình cho phương thức “xin - cho” trong việc quản lí tôn giáo cũng như phương cách soạn thảo văn bản và “ngôn ngữ”

chính trị, quản lí tôn giáo. Ngoài việc khẳng định lại những điều khoản trong Điều 70 của Hiến pháp 1992, Nghị định 26/CP cũng có những cố gắng nhất định để thể chế hóa cụ thể hơn quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng (đáng kể nhất là sự quy định về cả 3 mặt của “chính sách tôn giáo” và quản lí tôn giáo ở nước ta là: *Theo đạo, Hành đạo và Quản đạo*.

- Văn bản đáng kể nhất những năm qua tất nhiên là *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* (được UBTWQH Khóa IX thông qua ngày 29/6/2004 và được Chủ tịch nước kí lệnh công bố ngày 15/11/2004). Cần nói thêm rằng, để hướng dẫn thi hành pháp lệnh đó, ngày 01/3/2005, Chính phủ công bố *Nghị định số 22/CP* Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh.

Pháp lệnh này gồm 6 chương 41 điều, đã kế thừa, phát triển nhiều điều khoản, nhờ đó đã có khả năng khắc phục được một số những hạn chế bất cập của Nghị định 26, đảm bảo tốt hơn tính tương thích với các Công ước và luật pháp Quốc tế về tôn giáo.

Có thể nói với *Pháp lệnh* này, chúng ta đã có những bước tiến khá dài trong việc thể chế hóa quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng trên cả 4 mặt: *thứ nhất*, đã có sự tiến bộ rõ rệt trong việc thể chế hóa cụ thể hơn quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng (cùng với nhiều văn bản pháp luật khác, *Pháp lệnh* đã chuẩn hóa hơn quyền tự do tôn giáo và tín ngưỡng trong những nội dung cụ thể mới)⁸; *thứ hai*, vấn đề đào tạo và sử dụng chức sắc; *thứ ba*, vấn đề

8. Theo chúng tôi, so với Công ước Quốc tế, ngôn ngữ luật pháp của nước ta về vấn đề này hiện còn chưa đề cập đến ít nhất ở hai nội dung quan trọng, đó là: *quyền tự do truyền giáo* và *quyền cải đạo* (convertir).

đất đai và tài sản tôn giáo⁽⁹⁾; thứ tư vấn đề quan hệ quốc tế của các tôn giáo.

Một vấn đề quan trọng khác, thậm chí có ý nghĩa bao trùm dù ít được hiện hữu bằng ngôn ngữ pháp luật. Đó là quá trình xây dựng và hoàn thiện *mô hình nhà nước thế tục*. Theo chúng tôi việc Việt Nam lựa chọn *mô hình nhà nước thế tục đa nguyên* là hợp lí, thực ra được bắt đầu với việc Chủ tịch Hồ Chí Minh kí *Sắc lệnh 234 (14/6/1955)*⁽¹⁰⁾. Tuy vậy, cho đến trước khi có Chỉ thị 01/2005/CT-TTg ngày 04/02/2005 *Về công tác đối với đạo Tin Lành*, thì về mặt pháp luật, nhà nước ta vẫn có *món nợ pháp lí* kéo dài. Đó là việc, khi lựa chọn mô hình đa nguyên về tôn giáo, một thời gian dài chúng ta chỉ công nhận 6 tôn giáo (mà cũng không đều nhau về mặt pháp lí với mỗi tôn giáo), các tôn giáo còn lại đều ở vị trí *thả nổi*.

Với ý nghĩa đó, Chỉ thị 01 có thể coi là *một dấu son* đánh dấu sự phát triển lộ trình tôn giáo và pháp quyền ở nước ta. Từ 2006 đến nay, hệ thống tôn giáo ở Việt Nam đã có sự thay đổi căn bản, đó là việc nhà nước đã lần lượt công nhận nhiều tôn giáo khác, nâng con số tôn giáo được thừa nhận lên 13 và 32 tổ chức tôn giáo. Nói theo xã học tôn giáo thì đây là hiện tượng *tái cấu hình đời sống tôn giáo*, một sự kiện tôn giáo hết sức quan trọng, kể cả trong mối quan hệ tôn giáo và pháp quyền⁽¹¹⁾. Nhưng đó lại là vấn đề khác.

3.2. Những vấn đề đặt ra

Bàn về Điều 70 Hiến pháp 1992 hay nói rộng hơn là thực trạng mối quan hệ pháp quyền và tôn giáo ở nước ta hiện nay, như đã nói ở trên, chúng ta đã có được những thành tựu quan trọng.

Nhưng cũng phải nói ngay là, những điều kiện chủ quan và khách quan của đời sống tôn giáo ở nước ta hiện nay, những yêu cầu mới của việc phát triển bền vững có liên quan đến vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng cũng cho thấy những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định của Pháp lệnh, các điều khoản của các bộ luật khác có liên quan đến đời sống tôn giáo.

- *Thứ nhất*, như đã phân tích phần cấu trúc văn bản (phần 2), bản thân Điều 70 của Hiến pháp 1992 cũng đã đến lúc phải sửa đổi. Chúng ta cần phải tăng cường sự thể chế hóa quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng theo hướng *cập nhật, toàn diện và bao quát hơn*, tạo ra khả năng ổn định, nhất quán hơn về tính pháp lí cũng như sự hội nhập quốc tế cao hơn nữa. Điều này không chỉ thỏa mãn tốt hơn nhu cầu chính đáng của một bộ phận to lớn của dân tộc (chỉ riêng *cộng đồng các tôn giáo*, con số hiện nay đã lên tới xấp xỉ 30 triệu người. Nếu mở rộng “tín ngưỡng”, chưa nói đến các *sinh hoạt tâm linh* thì con số ấy còn lớn hơn nhiều) mà còn tạo ra *gương mặt pháp lí có tính hiện đại hơn*.

9. Đây là vấn đề phức tạp với nhiều quốc gia. Ở nước ta, đó cũng là *điểm nóng*. Nhưng sự tiến bộ thì cũng không thể không công nhận.

10. Theo sự “tổng kết” của thế giới, đại thể đến nay đã có 4 mô hình nhà nước thế tục: *mô hình tôn giáo - nhà nước* (với những quốc gia có một *tôn giáo chủ lưu*, thậm chí có ý nghĩa như *quốc giáo*); *mô hình tôn giáo dân sự*; *mô hình thế tục đa nguyên* (nhà nước công nhận một số tôn giáo có chọn lọc, tôn trọng các tôn giáo còn lại) và *mô hình thể chế thế tục trung lập* (laïcité), trong đó nhà nước “không thừa nhận” bất cứ tôn giáo nào, mọi tôn giáo đều thực thi nguyên lí thế tục trước nhà nước.

11. Xem: Đỗ Quang Hưng. *Tái cấu hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: những thách thức mới về mặt pháp lí*, tạp chí KHXH, số 10/2011.

- Thứ hai, có một mâu thuẫn quan trọng mang tính bản thể, nội tại về mặt nội dung của Điều 70 nói trên cũng như những hạn chế của cả hệ thống luật pháp tôn giáo ở nước ta hiện nay là: cách làm luật theo lối “quy định của nhà nước” (chưa phải là lối làm luật của nhà nước pháp quyền hiện đại), lấy nhà nước làm chủ thể, tôn giáo tín ngưỡng là “khách thể quản lí” nên bất luận từ phía nào cũng thấy sự thiếu đồng bộ, tự mâu thuẫn¹². Kinh nghiệm chung của thế giới là một quy định tốt về tôn giáo trong Hiến pháp, không chỉ khẳng định quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng mà còn phải xác lập được cái *ranh giới giữa nhà nước và tôn giáo*, thỏa mãn được cả ba mặt: *tối đa hóa sự lựa chọn tôn giáo của cá nhân; đảm bảo quyền tự quản của tôn giáo và các tổ chức tôn giáo, và giảm bớt chủ nghĩa bè phái hẹp hòi trong chính trị*¹³.

- Thứ ba, để khắc phục những “khoảng trống” về pháp lí trong các văn bản pháp lệnh, nghị định và cả Hiến pháp nói trên cũng như những quy định cụ thể, sự thiếu nhất quán trong cách hiểu và vận dụng những quy định của luật pháp và hơn nữa, khắc phục một số quy định đã lạc hậu so với thực tiễn, ít tính khả thi, v.v... mà chúng ta dễ dàng nhận ra cần có một tư duy chuyên nghiệp, đầy đủ hơn khi sửa đổi. Lẽ dĩ nhiên bài viết này không bàn đến kĩ thuật, phương cách soạn thảo các điều luật về tôn giáo.

4. Thử thiết kế “Điều 70” (sửa đổi)

4.1. Nguyên tắc thiết kế

Như đã phân tích ở trên, chúng tôi đề nghị, nên chọn phương án về *mô hình bao quát*. Tất nhiên cần có những nội dung tối đa để phù hợp với tâm lí chính

trị cũng như thực tiễn đời sống tôn giáo và sự nhất quán với ngôn ngữ chung của Hiến pháp.

Trong trường hợp cần thiết, có thể cải biên mô hình này, pha trộn với mô hình cụ thể, nhưng có chọn lọc, vẫn bảo đảm những nội dung có tính bao quát để cuối cùng, có được *tính nhất quán, ổn định* thường có của một bản Hiến pháp.

4.2. Một phương án cụ thể có tính kiến nghị

“Mọi người đều có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền đó được thể hiện trong việc truyền giảng, hành đạo, tôn thờ và tuân thủ, cả ở cá nhân cũng như các tập thể, trong lĩnh vực công cộng cũng như tư nhân. Quyền thực thi tự do tôn giáo có thể bị hạn chế khi nó mâu thuẫn với các quyền và quyền tự do cơ bản được quy định trong Hiến pháp này.

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là một nhà nước thế tục”/.

12. Khi xây dựng các điều luật về tôn giáo trong các bản Hiến pháp, kinh nghiệm của quốc tế cho thấy, bất cứ với mô hình nhà nước thế tục nào thì cũng phải giải quyết tốt 2 mối quan hệ sau: *thứ nhất*, quyền lực của nhà nước (dĩ nhiên là thế tục) và quyền “tự quản của giáo hội”; *thứ hai*, mối quan hệ giữa *quyền lợi* và *cấu trúc* theo đó thì nói chung các chính phủ thường “không có quyền lợi” dù nó có *quyền lực* và *bổn phận*. Trong sự thực hiện sự chia tách, một nhà nước muốn “đảm bảo tự do tôn giáo” thì điều cốt yếu trong sự chia tách giữa nhà nước với giáo hội, nó cũng phải tự xác định “một vai trò hạn chế” (P.L. Berger). Trong khi đó phía tôn giáo thì phải vừa giữ được tính *tự trị về tổ chức* nhưng đồng thời phải tự lập, tự dưỡng “không lệ thuộc” vào bất cứ sự giúp đỡ nào của nhà nước.

13. Xem bài Carl H. Esbeck, tư liệu đã dẫn.